

					quyết hồ sơ, trình Lãnh đạo Phòng xem xét.
B5	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh	1 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn - Phiếu đề xuất - BM 04 - BM 05 	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký Phiếu đề xuất và duyệt kết quả trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; chuyên viên xử lý in kết quả giải quyết hồ sơ. - Lãnh đạo Phòng ký Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh/Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.
B6	Phát hành kết quả	Văn thư Phòng Đăng ký kinh doanh	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Photo, đóng dấu Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa

					điểm kinh doanh/Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. - Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ cho Bộ phận Một cửa.
B7	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Chuyển lại toàn bộ hồ sơ cho Phòng Đăng ký kinh doanh.
B8	Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Phòng Đăng ký kinh doanh	Thường xuyên	Hồ sơ lưu theo mục V	Chuyển kho lưu trữ hồ sơ.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-25 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT). Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử (Phụ lục V-26 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện (Phụ lục IV-6)/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (Phụ lục IV-7)/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (Phụ lục V-2 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
5	BM 05	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).

6	BM 06	Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (Phụ lục II-9 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
---	-------	---

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-25 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT). Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử (Phụ lục V-26 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện (Phụ lục IV-6)/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (Phụ lục IV-7)/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (Phụ lục V-2 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
5	BM 05	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
6	BM 06	Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (Phụ lục II-9 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	-	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

- Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phụ lục V-25

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT
ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....
Mã hồ sơ:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY BIÊN NHẬN

**Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh**

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:.....

Email: Website:.....

Ngày.../.../... đã nhận của Ông/Bà:

Chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ pháp lý của cá nhân khác) số:.....

Điện thoại: Email:

01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh
doanh mã số:..... về việc..... của (Tên doanh nghiệp)..... Mã
số doanh nghiệp (nếu có):.....

Hồ sơ bao gồm:

1.

2.

3.

Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh trả kết quả là giấy chứng nhận/giấy xác
nhận/thông báo cho doanh nghiệp thì ghi:

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng... năm...

Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh chỉ cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký
doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì ghi:

Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp,
thông tin đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp sẽ được cập nhật trong Cơ sở dữ liệu
quốc gia về đăng ký doanh nghiệp/đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký
doanh nghiệp.

NGƯỜI NỘP
(Ký và ghi họ tên)

NGƯỜI NHẬN
(Ký và ghi họ tên)

Phụ lục V-26

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT
ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

Số:.....

GIẤY BIÊN NHẬN

**Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử**

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Ngày.../.../... đã nhận của Ông/Bà:

Chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ pháp lý của cá nhân khác) số:

Điện thoại: Email:

01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh
doanh qua mạng thông tin điện tử mã số:..... về việc..... của
(Tên doanh nghiệp)..... Mã số doanh nghiệp (nếu có):.....

Hồ sơ bao gồm:

1.....

2.....

3.....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng... năm...¹²

Kết quả xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp sẽ được gửi vào địa chỉ thư điện tử và
tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của Ông/Bà.

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

¹ Trường hợp hồ sơ được tiếp nhận trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sau giờ hành chính hoặc vào ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định thì thời hạn trả kết quả là trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày làm việc kế tiếp của ngày hồ sơ được tiếp nhận.

QUY TRÌNH 27

Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4167/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	<p>Trường hợp đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hồ sơ bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Nghị định 01/2021/NĐ-CP; và</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp; - Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp. 	01	Bản chính, Bản sao
2	<p>Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hồ sơ bao gồm các giấy tờ tương ứng theo quy định tại Nghị định 01/2021/NĐ-CP; và</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp; - Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp; 	01	Bản chính, Bản sao

	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị bổ sung cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo giấy này; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện. 		
--	--	--	--

Trường hợp ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, phải nộp thêm các giấy tờ sau:

1	Một trong các giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền.	01	Bản sao
2	- Hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp	01	Bản sao
	- Giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản chính
	- Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực).	01	Bản chính

Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích

1	Phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản sao
---	---	----	---------

* Giấy tờ pháp lý của cá nhân:

- Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực;
- Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực).

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
- Bộ phận Một cửa - Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở	- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần.

<p>Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 90G Trần Quốc Toản, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>- Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ https://dangkykinhdoanh.gov.vn.</p>	<p>việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với thủ tục đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</p> <p>- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với thủ tục đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</p>	<p>- Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</p>
--	---	--

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
<p>Đối với thủ tục đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh</p>					
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.
B2	Tiếp nhận	Bộ phận	Giờ hành	- Theo mục	- Trường hợp hồ sơ có đủ các điều kiện tiếp nhận

	hồ sơ	Một cửa	chính	I - BM 01 - BM 02 - BM 03 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn	theo quy định: lập Giấy biên nhận theo BM 01 trao cho người nộp hồ sơ, chuyên viên xử lý thực hiện tiếp B3. - Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Phiếu yêu cầu BM 02 hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: lập Phiếu từ chối theo BM 03 trao cho người nộp hồ sơ.
B3	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh	0,5 ngày làm việc	- Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn	Lãnh đạo Phòng phân công chuyên viên xử lý hồ sơ
B4	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Đăng ký kinh doanh	1 ngày làm việc	- Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn - Phiếu đề xuất - Dự thảo kết quả	Chuyên viên nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tải các văn bản đã được số hóa trong hồ sơ vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; đề xuất kết quả giải quyết hồ sơ, trình Lãnh đạo Phòng xem xét.
B5	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh	1 ngày làm việc	- Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn - Phiếu đề xuất	- Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký Phiếu đề xuất và duyệt kết quả trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; chuyên viên xử lý in kết quả giải quyết hồ sơ.

				<ul style="list-style-type: none"> - BM 04 - BM 05 	<p>- Lãnh đạo Phòng ký Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận về việc chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh/Giấy xác nhận về việc chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo/Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.</p>
B6	Phát hành kết quả	Văn thư Phòng Đăng ký kinh doanh	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	<p>- Photo, đóng dấu Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận về việc chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh/Giấy xác nhận về việc chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đăng ký tiếp tục</p>

					kinh doanh trước thời hạn đã thông báo/Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. - Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ cho Bộ phận Một cửa.
B7	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Chuyển lại toàn bộ hồ sơ cho Phòng Đăng ký kinh doanh.
B8	Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Phòng Đăng ký kinh doanh	Thường xuyên	Hồ sơ lưu theo mục V	Chuyển kho lưu trữ hồ sơ.
Đối với thủ tục chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh					
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.
B2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	- Theo mục I - BM 01 - BM 02 - BM 03	- Trường hợp hồ sơ có đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy biên nhận theo BM 01 trao cho người nộp hồ sơ, chuyển chuyên viên xử lý thực hiện tiếp B3. - Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Phiếu yêu cầu BM 02 hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: lập Phiếu từ chối theo BM 03

					trao cho người nộp hồ sơ.
B3	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh	0,5 ngày làm việc	- Theo mục I - BM 01	Lãnh đạo Phòng phân công chuyên viên xử lý hồ sơ
B4	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Đăng ký kinh doanh	1 ngày làm việc	- Theo mục I - BM 01 - Phiếu đề xuất - Dự thảo kết quả	Chuyên viên nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tải các văn bản đã được số hóa trong hồ sơ vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; đề xuất kết quả giải quyết hồ sơ, trình Lãnh đạo Phòng xem xét.
B5	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh	0,5 ngày làm việc	- Theo mục I - BM 01 - Phiếu đề xuất	- Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký Phiếu đề xuất và duyệt kết quả trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; chuyên viên xử lý in kết quả giải quyết hồ sơ và ký Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. - Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin về việc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chấm dứt hoạt động cho Cơ quan thuế trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
Cơ quan thuế			02 ngày làm việc		Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của Phòng Đăng ký kinh doanh, Cơ

					quan thuế gửi ý kiến về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Phòng đăng ký kinh doanh trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
B6	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh	0,5 ngày làm việc	- BM 04 - BM 05	Sau khi nhận ý kiến phản hồi về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của doanh nghiệp từ Cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh duyệt kết quả trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, chuyển chuyên viên xử lý in kết quả giải quyết hồ sơ. - Lãnh đạo Phòng ký Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/ Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.
B7	Phát hành kết quả	Văn thư Phòng Đăng ký kinh doanh	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Photo, đóng dấu Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. - Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ cho Bộ phận Một cửa.
B8	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Chuyển lại toàn bộ hồ

					sơ cho Phòng Đăng ký kinh doanh.
B9	Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Phòng Đăng ký kinh doanh	Thường xuyên	Hồ sơ lưu theo mục V	Chuyển kho lưu trữ hồ sơ.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-25 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT). Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử (Phụ lục V-26 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện (Phụ lục IV-6)/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (Phụ lục IV-7)/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (Phụ lục V-2)/Giấy xác nhận về việc chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh (Phụ lục V-12)/Giấy xác nhận về việc chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (Phụ lục V-13)/ Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (Phụ lục V-22 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
5	BM 05	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
6	BM 06	Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương (Phụ lục II-14 ban hành kèm theo Thông tư số

		01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoạt động theo Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp (Phụ lục II-15 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		Hồ sơ đăng ký hoạt động, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tương ứng theo quy định tại Nghị định 01/2021/NĐ-CP.

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-25 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT). Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử (Phụ lục V-26 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện (Phụ lục IV-6)/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (Phụ lục IV-7)/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (Phụ lục V-2)/Giấy xác nhận về việc chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh (Phụ lục V-12)/Giấy xác nhận về việc chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (Phụ lục V-13)/ Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (Phụ lục V-22 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).

5	BM 05	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
6	BM 06	Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương (Phụ lục II-14 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoạt động theo Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp (Phụ lục II-15 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
8	-	Hồ sơ đăng ký hoạt động, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tương ứng theo quy định tại Nghị định 01/2021/NĐ-CP.
9	-	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên

thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

- Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phụ lục V-25

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT
ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....
Mã hồ sơ:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY BIÊN NHẬN

**Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh**

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:.....

Email: Website:.....

Ngày.../.../... đã nhận của Ông/Bà:

Chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ pháp lý của cá nhân khác) số:.....

Điện thoại: Email:

01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh
mã số:..... về việc..... của (Tên doanh nghiệp)..... Mã số doanh
nghiệp (nếu có):.....

Hồ sơ bao gồm:

1.....

2.....

3.....

Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh trả kết quả là giấy chứng nhận/giấy xác
nhận/thông báo cho doanh nghiệp thì ghi:

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng... năm...

Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh chỉ cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh
nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì ghi:

Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, thông tin
đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp sẽ được cập nhật trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về
đăng ký doanh nghiệp/đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

NGƯỜI NỘP
(Ký và ghi họ tên)

NGƯỜI NHẬN
(Ký và ghi họ tên)

Phụ lục V-26

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT
ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY BIÊN NHẬN

**Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử**

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Ngày.../.../... đã nhận của Ông/Bà:

Chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ pháp lý của cá nhân khác) số:

Điện thoại: Email:

01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử mã số:..... về việc..... của (Tên doanh nghiệp)..... Mã số doanh nghiệp (nếu có):.....

Hồ sơ bao gồm:

1.....

2.....

3.....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng... năm...¹³

Kết quả xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp sẽ được gửi vào địa chỉ thư điện tử và tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của Ông/Bà.

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

¹ Trường hợp hồ sơ được tiếp nhận trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sau giờ hành chính hoặc vào ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định thì thời hạn trả kết quả là trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày làm việc kế tiếp của ngày hồ sơ được tiếp nhận.

QUY TRÌNH 28

**Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài,
thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông
là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân,
thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4167/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
<i>1. Trường hợp thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, hồ sơ gồm:</i>			
*	- Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản chính
	- Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.	01	Bản chính
<i>2. Thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, hồ sơ gồm:</i>			
*	- Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản chính
	- Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.	01	Bản chính
<i>3. Trường hợp thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, hồ sơ gồm:</i>			
*	- Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân;	01	Bản chính
	- Hợp đồng cho thuê có công chứng.	01	Bản sao
<i>4. Trường hợp thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền, hồ sơ gồm:</i>			
*	- Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản chính
	- Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền.	01	Bản chính
<i>Trường hợp ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, phải nộp thêm các giấy tờ sau:</i>			
1	Một trong các giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền.	01	Bản sao

2	- Hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp	01	Bản sao
	- Giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản chính
	- Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực).	01	Bản chính
<i>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích</i>			
1	Phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản sao
<p>* Giấy tờ pháp lý của cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; - Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực). 			

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Một cửa - Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 90G Trần Quốc Toản, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh). - Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ https://dangkykinhdoanh.gov.vn. 	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần.

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức,	Giờ hành	Theo mục I	Tổ chức, cá nhân nộp

		cá nhân	chính		01 bộ hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.
B2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - BM 02 - BM 03 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn 	<p>01 bộ hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ có đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy biên nhận theo BM 01 trao cho người nộp hồ sơ, chuyển chuyên viên xử lý thực hiện tiếp B3. - Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Phiếu yêu cầu BM 02 hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: lập Phiếu từ chối theo BM 03 trao cho người nộp hồ sơ.
B3	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh	0,5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn 	Lãnh đạo Phòng phân công chuyên viên xử lý hồ sơ
B4	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Đăng ký kinh doanh	1 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn - Phiếu đề xuất - Dự thảo 	Chuyên viên nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tải các văn bản đã được số hóa trong hồ sơ vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký

				kết quả	doanh nghiệp; đề xuất kết quả giải quyết hồ sơ, trình Lãnh đạo Phòng xem xét.
B5	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh	1 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn - Phiếu đề xuất - BM 04 - BM 05 	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký Phiếu đề xuất và duyệt kết quả trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; chuyển chuyên viên xử lý in kết quả giải quyết hồ sơ. - Lãnh đạo Phòng ký Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.
B6	Phát hành kết quả	Văn thư Phòng Đăng ký kinh doanh	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Photo, đóng dấu Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. - Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ cho Bộ phận Một cửa.
B7	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Chuyển lại toàn bộ hồ sơ cho Phòng Đăng ký kinh doanh.
B8	Lưu hồ sơ, thống kê	Phòng Đăng ký	Thường xuyên	Hồ sơ lưu theo mục V	Chuyển kho lưu trữ hồ sơ.

	và theo dõi	kinh doanh			
--	--------------------	------------	--	--	--

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (Phụ lục V-25 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT), hoặc Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử (Phụ lục V-26 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-1 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
5	BM 05	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		<u>Trường hợp thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:</u>
6	BM 06	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục II-1 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (Phụ lục I-8 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		<u>Trường hợp thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài:</u>
6	BM 06	- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục II-1 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		<u>Trường hợp thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân:</u>

6	BM 06	Thông báo về việc cho thuê doanh nghiệp tư nhân (Phụ lục II-6 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT)
		<u>Trường hợp thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền:</u>
6	BM 06	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục II-1 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT);
7	BM 07	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp chủ sở hữu, thành viên là tổ chức (Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (Phụ lục V-25 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT), hoặc Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử (Phụ lục V-26 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-1 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
5	BM 05	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		<u>Trường hợp thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:</u>
6	BM 06	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục II-1 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (Phụ lục I-8 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		<u>Trường hợp thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài:</u>
6	BM 06	- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục II-1 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		<u>Trường hợp thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân:</u>
6	BM 06	Thông báo về việc cho thuê doanh nghiệp tư nhân (Phụ lục II-6 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT)

		<u>Trường hợp thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền:</u>
6	BM 06	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục II-1 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT);
7	BM 07	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp chủ sở hữu, thành viên là tổ chức (Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
8	-	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

- Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phụ lục V-25

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT
ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....
Mã hồ sơ:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY BIÊN NHẬN

**Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh**

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Ngày.../.../... đã nhận của Ông/Bà:

Chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ pháp lý của cá nhân khác) số:.....

Điện thoại: Email:

01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh
mã số:..... về việc..... của (Tên doanh nghiệp)..... Mã số doanh
nghiệp (nếu có):.....

Hồ sơ bao gồm:

1.

2.

3.

Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh trả kết quả là giấy chứng nhận/giấy xác
nhận/thông báo cho doanh nghiệp thì ghi:

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng... năm...

Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh chỉ cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh
nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì ghi:

Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, thông tin
đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp sẽ được cập nhật trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về
đăng ký doanh nghiệp/đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

NGƯỜI NỘP
(Ký và ghi họ tên)

NGƯỜI NHẬN
(Ký và ghi họ tên)

Phụ lục V-26

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT
ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY BIÊN NHẬN

**Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử**

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Ngày.../.../... đã nhận của Ông/Bà:

Chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ pháp lý của cá nhân khác) số:

Điện thoại: Email:

01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử mã số:..... về việc..... của (Tên doanh nghiệp)..... Mã số doanh nghiệp (nếu có):.....

Hồ sơ bao gồm:

1.....

2.....

3.....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng... năm...¹⁴

Kết quả xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp sẽ được gửi vào địa chỉ thư điện tử và tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của Ông/Bà.

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

¹ Trường hợp hồ sơ được tiếp nhận trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sau giờ hành chính hoặc vào ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định thì thời hạn trả kết quả là trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày làm việc kế tiếp của ngày hồ sơ được tiếp nhận.

QUY TRÌNH 29

Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4167/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
<i>Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty TNHH một thành viên được thành lập trên cơ sở chia công ty:</i>			
	- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản chính
	- Điều lệ công ty.	01	Bản chính
	- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.	01	Bản sao
	- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền;	01	Bản sao
*	Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự.	01	Bản sao
	- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.	01	Bản chính
	- Nghị quyết, quyết định về việc chia công ty theo quy định tại Điều 198 Luật Doanh nghiệp.	01	Bản sao
	- Biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc chia công ty.		
<i>Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập trên cơ sở chia công ty:</i>			
*	- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản chính
	- Điều lệ công ty.	01	Bản chính

	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách thành viên. - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền; Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự; - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Nghị quyết, quyết định về việc chia công ty theo quy định tại Điều 198 Luật Doanh nghiệp. - Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc chia công ty. 	<p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p>	<p>Bản chính</p> <p>Bản sao</p> <p>Bản sao</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản sao</p>
<i>Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở chia công ty:</i>			
*	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp; - Điều lệ công ty. - Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; - Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự; 	<p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p>	<p>Bản chính</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản sao</p> <p>Bản sao</p>

	- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.	01	Bản sao
	- Nghị quyết, quyết định về việc chia công ty theo quy định tại Điều 198 Luật Doanh nghiệp.	01	Bản chính
	- Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc chia công ty.	01	Bản sao

Trường hợp ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, phải nộp thêm các giấy tờ sau:

1	Một trong các giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền.	01	Bản sao
2	- Hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp	01	Bản sao
	- Giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản chính
	- Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực).	01	Bản chính

Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích

1	Phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản sao
---	---	----	---------

* Giấy tờ pháp lý của cá nhân:

- Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực;
- Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực).

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
<p>- Bộ phận Một cửa - Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 90G Trần Quốc Toản, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>- Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ https://dangkykinhdoanh.gov.vn.</p>	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần.</p> <p>- Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần.</p> <p>- Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.
B2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	<p>- Theo mục I</p> <p>- BM 01</p> <p>- BM 02</p> <p>- BM 03</p> <p>- Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn</p>	<p>- Trường hợp hồ sơ có đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy biên nhận theo BM 01 trao cho người nộp hồ sơ, chuyên viên xử lý thực hiện tiếp B3.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Phiếu yêu cầu BM 02 hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: lập Phiếu từ chối theo BM 03 trao cho người nộp hồ sơ.</p>

B3	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh	0,5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn 	Lãnh đạo Phòng phân công chuyên viên xử lý hồ sơ
B4	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Đăng ký kinh doanh	1 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn - Phiếu đề xuất - Dự thảo kết quả 	Chuyên viên nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tải các văn bản đã được số hóa trong hồ sơ vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; đề xuất kết quả giải quyết hồ sơ, trình Lãnh đạo Phòng xem xét.
B5	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh	1 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn - Phiếu đề xuất - BM 04 - BM 05 	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký Phiếu đề xuất và duyệt kết quả trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; chuyên viên xử lý in kết quả giải quyết hồ sơ. - Lãnh đạo Phòng ký Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.
B6	Phát hành kết quả	Văn thư Phòng Đăng ký kinh doanh	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Photo, đóng dấu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. - Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ cho Bộ phận Một cửa.
B7	Trả kết	Bộ phận	Theo	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức,

	quả	Một cửa	Giấy hẹn		cá nhân. - Chuyển lại toàn bộ hồ sơ cho Phòng Đăng ký kinh doanh.
B8	Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Phòng Đăng ký kinh doanh	Thường xuyên	Hồ sơ lưu theo mục V	Chuyển kho lưu trữ hồ sơ.

IV. BIỂU MẪU

STT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (Phụ lục V-25 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT), hoặc Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử (Phụ lục V-26 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên (Phụ lục IV-2)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục IV-3)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Phụ lục IV-4) ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
5	BM 05	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		<u>Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty TNHH một thành viên được thành lập trên cơ sở chia công ty</u>
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên (Phụ lục I-2 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông

		tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		<u>Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập trên cơ sở chia công ty</u>
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục I-3 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục I-6 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
8	BM 08	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp thành viên công ty TNHH hai thành viên là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		<u>Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở chia công ty</u>
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Phụ lục I-4 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần (Phụ lục I-7 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
8	BM 08	Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (Phụ lục I-8 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
9	BM 09	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (Phụ lục V-25 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT), hoặc Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử (Phụ lục V-26 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban

		hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên (Phụ lục IV-2)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục IV-3)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Phụ lục IV-4) ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
5	BM 05	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
<u>Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty TNHH một thành viên được thành lập trên cơ sở chia công ty</u>		
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên (Phụ lục I-2 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
<u>Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập trên cơ sở chia công ty</u>		
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục I-3 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục I-6 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
8	BM 08	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp thành viên công ty TNHH hai thành viên là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
<u>Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở chia công ty</u>		
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Phụ lục I-4 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần (Phụ lục I-7 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
8	BM 08	Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (Phụ lục I-8 ban

		hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
9	BM 09	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
10	-	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

- Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phụ lục V-25

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT
ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....
Mã hồ sơ:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY BIÊN NHẬN

**Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh**

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:.....

Email: Website:

Ngày.../.../... đã nhận của Ông/Bà:

Chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ pháp lý của cá nhân khác) số:.....

Điện thoại: Email:

01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh
mã số:..... về việc..... của (Tên doanh nghiệp)..... Mã số doanh
nghiệp (nếu có):.....

Hồ sơ bao gồm:

1.

2.

3.

*Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh trả kết quả là giấy chứng nhận/giấy xác
nhận/thông báo cho doanh nghiệp thì ghi:*

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng... năm...

*Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh chỉ cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh
nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì ghi:*

Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, thông tin
đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp sẽ được cập nhật trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về
đăng ký doanh nghiệp/đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

NGƯỜI NỘP
(Ký và ghi họ tên)

NGƯỜI NHẬN
(Ký và ghi họ tên)

Phụ lục V-26

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT
ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY BIÊN NHẬN

**Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử**

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Ngày.../.../... đã nhận của Ông/Bà:

Chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ pháp lý của cá nhân khác) số:

Điện thoại: Email:

01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử mã số:..... về việc..... của (Tên doanh nghiệp)..... Mã số doanh nghiệp (nếu có):.....

Hồ sơ bao gồm:

1.....

2.....

3.....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng... năm...¹⁵

Kết quả xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp sẽ được gửi vào địa chỉ thư điện tử và tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của Ông/Bà.

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

¹ Trường hợp hồ sơ được tiếp nhận trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sau giờ hành chính hoặc vào ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định thì thời hạn trả kết quả là trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày làm việc kế tiếp của ngày hồ sơ được tiếp nhận.

QUY TRÌNH 30

Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4167/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
<i>1. Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty TNHH một thành viên được thành lập trên cơ sở tách công ty:</i>			
	- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản chính
	- Điều lệ công ty.	01	Bản chính
	- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.	01	Bản sao
	- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.	01	Bản sao
*	Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;		
	- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.	01	Bản sao
	- Nghị quyết, quyết định về việc tách công ty theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp.	01	Bản chính
	- Biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc tách công ty.	01	Bản sao
<i>2. Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập trên cơ sở tách công ty:</i>			
*	- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản chính
	- Điều lệ công ty.	01	Bản chính

	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách thành viên. - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền; Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự; - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Nghị quyết, quyết định về việc tách công ty theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp. - Biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc tách công ty. 	<p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p>	<p>Bản chính</p> <p>Bản sao</p> <p>Bản sao</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản sao</p>
<p>3. Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở tách công ty:</p>			
*	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp; - Điều lệ công ty; - Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự; - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập 	<p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p>	<p>Bản chính</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản sao</p> <p>Bản sao</p>

	bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Nghị quyết, quyết định về việc tách công ty theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp. - Biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc tách công ty.	01	Bản sao
		01	Bản chính
		01	Bản sao
<i>Trường hợp ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, phải nộp thêm các giấy tờ sau:</i>			
1	Một trong các giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền.	01	Bản sao
2	- Hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp	01	Bản sao
	- Giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản chính
	- Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực).	01	Bản chính
<i>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích</i>			
1	Phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản sao
* Giấy tờ pháp lý của cá nhân: - Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; - Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực).			

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
- Bộ phận Một cửa - Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ:	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Phí công bố nội dung đăng

<p>90G Trần Quốc Toản, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>- Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ https://dangkykinhdoanh.gov.vn.</p>	<p>ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần.</p> <p>- Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
---	-------------------------------------	--

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.
B2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - BM 02 - BM 03 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ có đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy biên nhận theo BM 01 trao cho người nộp hồ sơ, chuyển chuyên viên xử lý thực hiện tiếp B3. - Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Phiếu yêu cầu BM 02 hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: lập Phiếu từ chối theo BM 03 trao cho người nộp hồ sơ.
B3	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh	0,5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn 	Lãnh đạo Phòng phân công chuyên viên xử lý hồ sơ

B4	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Đăng ký kinh doanh	1 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn - Phiếu đề xuất - Dự thảo kết quả 	Chuyên viên nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tải các văn bản đã được số hóa trong hồ sơ vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; đề xuất kết quả giải quyết hồ sơ, trình Lãnh đạo Phòng xem xét.
B5	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh	1 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn - Phiếu đề xuất - BM 04 - BM 05 	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký Phiếu đề xuất và duyệt kết quả trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; chuyên viên xử lý in kết quả giải quyết hồ sơ. - Lãnh đạo Phòng ký Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.
B6	Phát hành kết quả	Văn thư Phòng Đăng ký kinh doanh	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Photo, đóng dấu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. - Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ cho Bộ phận Một cửa.
B7	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Chuyển lại toàn bộ hồ sơ cho Phòng Đăng ký kinh doanh.
B8	Lưu hồ sơ, thống kê	Phòng Đăng ký	Thường xuyên	Hồ sơ lưu theo mục V	Chuyển kho lưu trữ hồ sơ.

	và theo dõi	kinh doanh			
--	--------------------	---------------	--	--	--

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (Phụ lục V-25 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT), hoặc Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử (Phụ lục V-26 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên (Phụ lục IV-2)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục IV-3)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Phụ lục IV-4) ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
5	BM 05	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		<u>Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty TNHH một thành viên được thành lập trên cơ sở tách công ty</u>
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên (Phụ lục I-2 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		<u>Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập trên cơ sở tách công ty</u>
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục I-3 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).

7	BM 07	Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục I-6 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
8	BM 08	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp thành viên công ty TNHH hai thành viên là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
<u>Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở tách công ty</u>		
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Phụ lục I-4 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần (Phụ lục I-7 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
8	BM 08	Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (Phụ lục I-8 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
9	BM 09	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (Phụ lục V-25 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT), hoặc Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử (Phụ lục V-26 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên (Phụ lục IV-2)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục IV-3)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Phụ lục IV-4) ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-

		BKHĐT).
5	BM 05	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		<u>Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty TNHH một thành viên được thành lập trên cơ sở tách công ty</u>
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên (Phụ lục I-2 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		<u>Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập trên cơ sở tách công ty</u>
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục I-3 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục I-6 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
8	BM 08	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp thành viên công ty TNHH hai thành viên là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		<u>Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở tách công ty</u>
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Phụ lục I-4 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần (Phụ lục I-7 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
8	BM 08	Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (Phụ lục I-8 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
9	BM 09	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).

10	-	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành.
----	---	---

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

- Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phụ lục V-25

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT
ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....
Mã hồ sơ:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY BIÊN NHẬN

**Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh**

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:.....

Email: Website:.....

Ngày.../.../... đã nhận của Ông/Bà:

Chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ pháp lý của cá nhân khác) số:.....

Điện thoại: Email:

01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh
mã số:..... về việc..... của (Tên doanh nghiệp)..... Mã số doanh
nghiệp (nếu có):.....

Hồ sơ bao gồm:

1.....

2.....

3.....

Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh trả kết quả là giấy chứng nhận/giấy xác
nhận/thông báo cho doanh nghiệp thì ghi:

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng... năm...

Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh chỉ cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh
nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì ghi:

Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, thông tin
đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp sẽ được cập nhật trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về
đăng ký doanh nghiệp/đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

NGƯỜI NỘP
(Ký và ghi họ tên)

NGƯỜI NHẬN
(Ký và ghi họ tên)

Phụ lục V-26

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT
ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY BIÊN NHẬN

**Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử**

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Ngày.../.../... đã nhận của Ông/Bà:

Chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ pháp lý của cá nhân khác) số:

Điện thoại: Email:

01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh
qua mạng thông tin điện tử mã số:..... về việc..... của (Tên doanh
nghiệp)..... Mã số doanh nghiệp (nếu có):.....

Hồ sơ bao gồm:

1.....

2.....

3.....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng... năm...¹⁶

Kết quả xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp sẽ được gửi vào địa chỉ thư điện tử và tài
khoản truy cập Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của Ông/Bà.

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

¹ Trường hợp hồ sơ được tiếp nhận trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sau giờ hành chính hoặc vào ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định thì thời hạn trả kết quả là trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày làm việc kế tiếp của ngày hồ sơ được tiếp nhận.

QUY TRÌNH 31**Hợp nhất doanh nghiệp****(đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)***(Ban hành kèm theo Quyết định số 4167/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)***I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
<i>1. Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty hợp danh được thành lập trên cơ sở hợp nhất công ty:</i>			
	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Điều lệ công ty. - Danh sách thành viên. - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên công ty là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự; - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Hợp đồng hợp nhất theo quy định tại Điều 200 Luật Doanh nghiệp; - Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng hợp nhất công ty của các công ty bị hợp nhất; - Biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng hợp nhất để thành lập công ty mới. 	<ul style="list-style-type: none"> 01 01 01 01 01 01 01 01 01 	<ul style="list-style-type: none"> Bản chính Bản chính Bản sao Bản sao Bản sao Bản chính Bản chính Bản chính Bản sao
<i>2. Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty TNHH một thành viên được thành lập trên cơ sở hợp nhất công ty:</i>			

	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Điều lệ công ty. - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>* <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Hợp đồng hợp nhất theo quy định tại Điều 200 Luật Doanh nghiệp; - Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng hợp nhất công ty của các công ty bị hợp nhất; - Biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng hợp nhất để thành lập công ty mới. </p>	<p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p>	<p>Bản chính</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản sao</p> <p>Bản sao</p> <p>Bản sao</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản sao</p>
<p><i>3. Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập trên cơ sở hợp nhất công ty:</i></p>			
	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Điều lệ công ty. - Danh sách thành viên. - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; <p>* <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền; <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì giấy tờ</p> </p>	<p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p>	<p>Bản chính</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản sao</p> <p>Bản sao</p>

	<p>pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Hợp đồng hợp nhất theo quy định tại Điều 200 Luật Doanh nghiệp; - Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng hợp nhất công ty của các công ty bị hợp nhất; - Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng hợp nhất để thành lập công ty mới. 	<p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p>	<p>Bản sao</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản sao</p>
<p><i>4. Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở hợp nhất công ty:</i></p>			
<p>*</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp; - Điều lệ công ty; - Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; - Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Hợp đồng hợp nhất theo quy định tại Điều 200 Luật Doanh nghiệp; - Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng 	<p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p>	<p>Bản chính</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản sao</p> <p>Bản sao</p> <p>Bản sao</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản chính</p>

	hợp nhất công ty của các công ty bị hợp nhất; - Biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng hợp nhất để thành lập công ty mới.	01	Bản sao
<i>Trường hợp ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, phải nộp thêm các giấy tờ sau:</i>			
1	Một trong các giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền.	01	Bản sao
2	- Hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp	01	Bản sao
	- Giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản chính
	- Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực).	01	Bản chính
<i>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích</i>			
1	Phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản sao
* Giấy tờ pháp lý của cá nhân: - Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; - Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực).			

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
- Bộ phận Một cửa - Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 90G Trần Quốc Toản, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần.

Hồ Chí Minh). - Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ https://dangkykinhdoanh.gov.vn .		- Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
--	--	---

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.
B2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	- Theo mục I - BM 01 - BM 02 - BM 03 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn	- Trường hợp hồ sơ có đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy biên nhận theo BM 01 trao cho người nộp hồ sơ, chuyển chuyên viên xử lý thực hiện tiếp B3. - Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Phiếu yêu cầu BM 02 hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: lập Phiếu từ chối theo BM 03 trao cho người nộp hồ sơ.
B3	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh	0,5 ngày làm việc	- Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí,	Lãnh đạo Phòng phân công chuyên viên xử lý hồ sơ

				lệ phí in sẵn	
B4	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Đăng ký kinh doanh	1 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn - Phiếu đề xuất - Dự thảo kết quả 	Chuyên viên nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tải các văn bản đã được số hóa trong hồ sơ vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; đề xuất kết quả giải quyết hồ sơ, trình Lãnh đạo Phòng xem xét.
B5	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh	1 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn - Phiếu đề xuất - BM 04 - BM 05 	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký Phiếu đề xuất và duyệt kết quả trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; chuyển chuyên viên xử lý in kết quả giải quyết hồ sơ. - Lãnh đạo Phòng ký Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.
B6	Phát hành kết quả	Văn thư Phòng Đăng ký kinh doanh	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Photo, đóng dấu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. - Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ cho Bộ phận Một cửa.
B7	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Chuyển lại toàn bộ hồ sơ cho Phòng Đăng ký kinh doanh.

B8	Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Phòng Đăng ký kinh doanh	Thường xuyên	Hồ sơ lưu theo mục V	Chuyển kho lưu trữ hồ sơ.
-----------	--	--------------------------	--------------	----------------------	---------------------------

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (Phụ lục V-25 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT). Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử (Phụ lục V-26 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên (Phụ lục IV-2)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục IV-3)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Phụ lục IV-4)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty hợp danh (Phụ lục IV-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
5	BM 05	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty hợp danh được thành lập trên cơ sở hợp nhất công ty
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty hợp danh (Phụ lục I-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách thành viên công ty hợp danh (Phụ lục I-9 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty TNHH một thành viên được thành lập trên cơ sở hợp nhất công ty
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một

		thành viên (Phụ lục I-2 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập trên cơ sở hợp nhất công ty
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục I-3 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục I-6 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
8	BM 08	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp thành viên công ty TNHH hai thành viên là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở hợp nhất công ty
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Phụ lục I-4 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần (Phụ lục I-7 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
8	BM 08	Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (Phụ lục I-8 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
9	BM 09	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (Phụ lục V-25 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT). Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn

		phòng đại diện/địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử (Phụ lục V-26 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên (Phụ lục IV-2)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục IV-3)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Phụ lục IV-4)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty hợp danh (Phụ lục IV-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
5	BM 05	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty hợp danh được thành lập trên cơ sở hợp nhất công ty
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty hợp danh (Phụ lục I-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách thành viên công ty hợp danh (Phụ lục I-9 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty TNHH một thành viên được thành lập trên cơ sở hợp nhất công ty
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên (Phụ lục I-2 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập trên cơ sở hợp nhất công ty
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục I-3 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).

7	BM 07	Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục I-6 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
8	BM 08	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp thành viên công ty TNHH hai thành viên là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở hợp nhất công ty
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Phụ lục I-4 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần (Phụ lục I-7 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
8	BM 08	Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (Phụ lục I-8 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
9	BM 09	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
10	-	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

- Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phụ lục V-25

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT
ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....
Mã hồ sơ:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY BIÊN NHẬN

**Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh**

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:.....

Email: Website:.....

Ngày.../.../... đã nhận của Ông/Bà:

Chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ pháp lý của cá nhân khác) số:.....

Điện thoại: Email:

01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh
mã số:..... về việc..... của (Tên doanh nghiệp)..... Mã số doanh
nghiệp (nếu có):.....

Hồ sơ bao gồm:

1.....

2.....

3.....

Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh trả kết quả là giấy chứng nhận/giấy xác
nhận/thông báo cho doanh nghiệp thì ghi:

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng... năm...

Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh chỉ cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh
nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì ghi:

Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, thông tin
đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp sẽ được cập nhật trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về
đăng ký doanh nghiệp/đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

NGƯỜI NỘP
(Ký và ghi họ tên)

NGƯỜI NHẬN
(Ký và ghi họ tên)

Phụ lục V-26

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT
ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY BIÊN NHẬN

**Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử**

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Ngày.../.../... đã nhận của Ông/Bà:

Chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ pháp lý của cá nhân khác) số:

Điện thoại: Email:

01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử mã số:..... về việc..... của (Tên doanh nghiệp)..... Mã số doanh nghiệp (nếu có):.....

Hồ sơ bao gồm:

1.....

2.....

3.....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng... năm...¹⁷

Kết quả xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp sẽ được gửi vào địa chỉ thư điện tử và tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của Ông/Bà.

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

¹ Trường hợp hồ sơ được tiếp nhận trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sau giờ hành chính hoặc vào ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định thì thời hạn trả kết quả là trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày làm việc kế tiếp của ngày hồ sơ được tiếp nhận.

QUY TRÌNH 32**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập
(đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4167/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	<p>Hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp tương ứng với các nội dung thay đổi của công ty nhận sáp nhập sau khi sáp nhập công ty quy định tại Chương VI Nghị định 01/2021/NĐ-CP và các giấy tờ khác như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp; - Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập; - Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập, trừ trường hợp công ty nhận sáp nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hoặc cổ phần có quyền biểu quyết đối với công ty cổ phần của công ty bị sáp nhập. 	01	Bản chính, Bản sao
<i>Trường hợp ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, phải nộp thêm các giấy tờ sau:</i>			
1	Một trong các giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền.	01	Bản sao

2	- Hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp	01	Bản sao
	- Giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản chính
	- Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực).	01	Bản chính
<i>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích</i>			
1	Phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản sao
<p>* Giấy tờ pháp lý của cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; - Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực). 			

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Một cửa - Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 90G Trần Quốc Toản, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh). - Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ https://dangkykinhdoanh.gov.vn. 	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
----------------	--------------------	-------------	-----------	-----------------	-----------

B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.
B2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - BM 02 - BM 03 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ có đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy biên nhận theo BM 01 trao cho người nộp hồ sơ, chuyên viên xử lý thực hiện tiếp B3. - Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Phiếu yêu cầu BM 02 hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: lập Phiếu từ chối theo BM 03 trao cho người nộp hồ sơ.
B3	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh	0,5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn 	Lãnh đạo Phòng phân công chuyên viên xử lý hồ sơ
B4	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Đăng ký kinh doanh	1 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn - Phiếu đề xuất - Dự thảo kết quả 	Chuyên viên nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tải các văn bản đã được số hóa trong hồ sơ vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; đề xuất kết quả giải quyết hồ sơ, trình Lãnh đạo Phòng xem xét.
B5	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo	1 ngày làm	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 	- Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký Phiếu đề

		Phòng Đăng ký kinh doanh	việc	- Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn - Phiếu đề xuất - BM 04 - BM 05	xuất và duyệt kết quả trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; chuyên viên xử lý in kết quả giải quyết hồ sơ. - Lãnh đạo Phòng ký Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.
B6	Phát hành kết quả	Văn thư Phòng Đăng ký kinh doanh	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Photo, đóng dấu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. - Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ cho Bộ phận Một cửa.
B7	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Chuyển lại toàn bộ hồ sơ cho Phòng Đăng ký kinh doanh.
B8	Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Phòng Đăng ký kinh doanh	Thường xuyên	Hồ sơ lưu theo mục V	Chuyển kho lưu trữ hồ sơ.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-25 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT). Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử (Phụ lục V-26 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).

3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên (Phụ lục IV-2)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục IV-3)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Phụ lục IV-4)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty hợp danh (Phụ lục IV-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
5	BM 05	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
6	-	Hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp tương ứng với các nội dung thay đổi của công ty nhận sáp nhập sau khi sáp nhập công ty quy định tại Chương VI Nghị định 01/2021/NĐ-CP.

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-25 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT). Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử (Phụ lục V-26 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên (Phụ lục IV-2)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục IV-3)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Phụ lục IV-4)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty hợp danh (Phụ lục IV-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
5	BM 05	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
6	-	Hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

		tương ứng với các nội dung thay đổi của công ty nhận sáp nhập sau khi sáp nhập công ty quy định tại Chương VI Nghị định 01/2021/NĐ-CP.
7	-	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

- Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phụ lục V-25

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT
ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....
Mã hồ sơ:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY BIÊN NHẬN

**Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh**

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:.....

Email: Website:.....

Ngày.../.../... đã nhận của Ông/Bà:

Chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ pháp lý của cá nhân khác) số:.....

Điện thoại: Email:

01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh
mã số:..... về việc..... của (Tên doanh nghiệp)..... Mã số doanh
nghiệp (nếu có):.....

Hồ sơ bao gồm:

1.....

2.....

3.....

Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh trả kết quả là giấy chứng nhận/giấy xác
nhận/thông báo cho doanh nghiệp thì ghi:

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng... năm...

Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh chỉ cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh
nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì ghi:

Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, thông tin
đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp sẽ được cập nhật trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về
đăng ký doanh nghiệp/đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

NGƯỜI NỘP
(Ký và ghi họ tên)

NGƯỜI NHẬN
(Ký và ghi họ tên)

Phụ lục V-26

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT
ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY BIÊN NHẬN

**Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử**

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Ngày.../.../... đã nhận của Ông/Bà:

Chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ pháp lý của cá nhân khác) số:

Điện thoại: Email:

01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử mã số:..... về việc..... của (Tên doanh nghiệp)..... Mã số doanh nghiệp (nếu có):.....

Hồ sơ bao gồm:

1.....

2.....

3.....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng... năm...¹⁸

Kết quả xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp sẽ được gửi vào địa chỉ thư điện tử và tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của Ông/Bà.

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

¹ Trường hợp hồ sơ được tiếp nhận trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sau giờ hành chính hoặc vào ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định thì thời hạn trả kết quả là trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày làm việc kế tiếp của ngày hồ sơ được tiếp nhận.

QUY TRÌNH 33**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách
(đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4167/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Trường hợp tách công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần mà công ty bị tách thay đổi vốn điều lệ, số lượng thành viên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài tương ứng với phần vốn góp, cổ phần và số lượng thành viên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài giảm xuống, hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của công ty bị tách phải có các giấy tờ tương ứng quy định tại Chương VI Nghị định 01/2021/NĐ-CP và các giấy tờ khác như sau:		
	- Nghị quyết, quyết định về việc tách công ty theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp; - Biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc tách công ty.	01 01	Bản chính Bản sao
<i>Trường hợp ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, phải nộp thêm các giấy tờ sau:</i>			
1	Một trong các giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền.	01	Bản sao
2	- Hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp	01	Bản sao
	- Giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản chính
	- Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực).	01	Bản chính

<i>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích</i>			
1	Phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản sao
<p>* Giấy tờ pháp lý của cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; - Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực). 			

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Một cửa - Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 90G Trần Quốc Toản, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh). - Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ https://dangkykinhdoanh.gov.vn. 	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.
B2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - BM 02 - BM 03 - Biên lai thu tiền phí, lệ 	- Trường hợp hồ sơ có đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy biên nhận theo BM 01 trao cho người nộp hồ sơ, chuyển chuyên viên xử lý

				phí in sẵn	<p>thực hiện tiếp B3.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Phiếu yêu cầu BM 02 hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: lập Phiếu từ chối theo BM 03 trao cho người nộp hồ sơ.
B3	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh	0,5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn 	Lãnh đạo Phòng phân công chuyên viên xử lý hồ sơ
B4	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Đăng ký kinh doanh	1 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn - Phiếu đề xuất - Dự thảo kết quả 	Chuyên viên nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tải các văn bản đã được số hóa trong hồ sơ vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; đề xuất kết quả giải quyết hồ sơ, trình Lãnh đạo Phòng xem xét.
B5	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh	1 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn - Phiếu đề xuất - BM 04 - BM 05 	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký Phiếu đề xuất và duyệt kết quả trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; chuyển chuyên viên xử lý in kết quả giải quyết hồ sơ. - Lãnh đạo Phòng ký Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/Thông báo về việc

					sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.
B6	Phát hành kết quả	Văn thư Phòng Đăng ký kinh doanh	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Photo, đóng dấu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. - Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ cho Bộ phận Một cửa.
B7	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Chuyển lại toàn bộ hồ sơ cho Phòng Đăng ký kinh doanh.
B8	Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Phòng Đăng ký kinh doanh	Thường xuyên	Hồ sơ lưu theo mục V	Chuyển kho lưu trữ hồ sơ.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-25 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT). Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử (Phụ lục V-26 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên (Phụ lục IV-2)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục IV-3)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Phụ lục IV-4)/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng

		ký doanh nghiệp (Phụ lục V-1 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
5	BM 05	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
6	-	Hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp tương ứng với các nội dung thay đổi của công ty bị tách quy định tại Chương VI Nghị định 01/2021/NĐ-CP.

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-25 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT). Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử (Phụ lục V-26 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên (Phụ lục IV-2)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục IV-3)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Phụ lục IV-4)/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-1 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
5	BM 05	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
6	-	Hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp tương ứng với các nội dung thay đổi của công ty bị tách quy định tại Chương VI Nghị định 01/2021/NĐ-CP.
7	-	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

- Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phụ lục V-25

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT
ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....
Mã hồ sơ:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY BIÊN NHẬN

**Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh**

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:.....

Email: Website:.....

Ngày.../.../... đã nhận của Ông/Bà:

Chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ pháp lý của cá nhân khác) số:.....

Điện thoại: Email:

01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh
mã số:..... về việc..... của (Tên doanh nghiệp)..... Mã số doanh
nghiệp (nếu có):.....

Hồ sơ bao gồm:

1.

2.

3.

Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh trả kết quả là giấy chứng nhận/giấy xác
nhận/thông báo cho doanh nghiệp thì ghi:

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng... năm...

Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh chỉ cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh
nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì ghi:

Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, thông tin
đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp sẽ được cập nhật trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về
đăng ký doanh nghiệp/đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

NGƯỜI NỘP
(Ký và ghi họ tên)

NGƯỜI NHẬN
(Ký và ghi họ tên)

Phụ lục V-26

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT
ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY BIÊN NHẬN

**Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử**

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Ngày.../.../... đã nhận của Ông/Bà:

Chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ pháp lý của cá nhân khác) số:

Điện thoại: Email:

01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử mã số:..... về việc..... của (Tên doanh nghiệp)..... Mã số doanh nghiệp (nếu có):.....

Hồ sơ bao gồm:

1

2

3

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng... năm...¹⁹

Kết quả xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp sẽ được gửi vào địa chỉ thư điện tử và tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của Ông/Bà.

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

¹ Trường hợp hồ sơ được tiếp nhận trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sau giờ hành chính hoặc vào ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định thì thời hạn trả kết quả là trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày làm việc kế tiếp của ngày hồ sơ được tiếp nhận.

QUY TRÌNH 34

Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4167/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
<i>1. Trường hợp chuyển đổi công ty TNHH thành công ty cổ phần:</i>			
*	- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;	01	Bản chính
	- Điều lệ công ty;	01	Bản chính
	- Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.	01	Bản chính
	- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;	01	Bản sao
	- Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;	01	Bản sao
<i>2. Trường hợp chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty TNHH một thành viên:</i>			
*	- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản chính
	- Điều lệ công ty.	01	Bản chính
	- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;	01	Bản sao
	- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa	01	Bản sao

	lãnh sự;		
3. Trường hợp chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty TNHH hai thành viên trở lên:			
	- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Điều lệ công ty. - Danh sách thành viên. - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;	01 01 01 01	Bản chính Bản chính Bản chính Bản sao
*	- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền; Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;	01	Bản sao
	Kèm theo các giấy tờ tương ứng tại mục 1,2,3 bao gồm các giấy tờ sau: - Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc chuyển đổi công ty. - Biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc chuyển đổi công ty. - Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp. - Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho cổ phần, phần vốn góp. - Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật; - Giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên, cổ đông mới;	01 01 01 01 01	Bản chính Bản sao Bản chính Bản chính Bản sao Bản chính
*			

	- Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.	01	Bản sao
*	Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, kèm theo hồ sơ phải có:		
	- Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường do chủ doanh nghiệp tư nhân ký.	01	Bản chính
	- Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện.	01	Bản chính
	- Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện. - Giấy chứng nhận đăng ký thuế.	01 01	Bản chính Bản sao
<i>Trường hợp ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, phải nộp thêm các giấy tờ sau:</i>			
1	Một trong các giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền.	01	Bản sao
2	- Hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp	01	Bản sao
	- Giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản chính
	- Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực).	01	Bản chính
<i>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích</i>			
1	Phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản sao

* Giấy tờ pháp lý của cá nhân:

- Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực;

- Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực).

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
<p>- Bộ phận Một cửa - Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 90G Trần Quốc Toản, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>- Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ https://dangkykinhdoanh.gov.vn.</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần.</p> <p>- Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần.</p> <p>- Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.
B2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	<p>- Theo mục I</p> <p>- BM 01</p> <p>- BM 02</p> <p>- BM 03</p> <p>- Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn</p>	<p>- Trường hợp hồ sơ có đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy biên nhận theo BM 01 trao cho người nộp hồ sơ, chuyên viên xử lý thực hiện tiếp B3.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Phiếu yêu cầu</p>

					BM 02 hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: lập Phiếu từ chối theo BM 03 trao cho người nộp hồ sơ.
B3	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh	0,5 ngày làm việc	- Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn	Lãnh đạo Phòng phân công chuyên viên xử lý hồ sơ
B4	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Đăng ký kinh doanh	1 ngày làm việc	- Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn - Phiếu đề xuất - Dự thảo kết quả	Chuyên viên nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tải các văn bản đã được số hóa trong hồ sơ vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; đề xuất kết quả giải quyết hồ sơ, trình Lãnh đạo Phòng xem xét.
B5	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh	1 ngày làm việc	- Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn - Phiếu đề xuất - BM 04 - BM 05	- Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký Phiếu đề xuất và duyệt kết quả trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; chuyển chuyên viên xử lý in kết quả giải quyết hồ sơ. - Lãnh đạo Phòng ký Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

B6	Phát hành kết quả	Văn thư Phòng Đăng ký kinh doanh	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Photo, đóng dấu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. - Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ cho Bộ phận Một cửa.
B7	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Chuyển lại toàn bộ hồ sơ cho Phòng Đăng ký kinh doanh.
B8	Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Phòng Đăng ký kinh doanh	Thường xuyên	Hồ sơ lưu theo mục V	Chuyển kho lưu trữ hồ sơ.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (Phụ lục V-25 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT), hoặc Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử (Phụ lục V-26 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên (Phụ lục IV-2)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục IV-3)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Phụ lục IV-4 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
5	BM 05	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp

		ngiệp (Phụ lục V-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		<u>Trường hợp chuyển đổi công ty TNHH thành công ty cổ phần:</u>
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Phụ lục I-4 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần (Phụ lục I-7 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
8	BM 08	Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (Phụ lục I-8 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT);
9	BM 09	- Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		<u>Trường hợp chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty TNHH một thành viên:</u>
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên (Phụ lục I-2 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		<u>Trường hợp chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty TNHH hai thành viên trở lên:</u>
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục I-3 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục I-6 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
8	BM 08	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp thành viên công ty TNHH hai thành viên là tổ chức, Phụ lục I-10, Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (Phụ lục V-25 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT), hoặc Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử (Phụ lục V-26 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên (Phụ lục IV-2)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục IV-3)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Phụ lục IV-4 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
5	BM 05	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		<u>Trường hợp chuyển đổi công ty TNHH thành công ty cổ phần:</u>
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Phụ lục I-4 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần (Phụ lục I-7 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
8	BM 08	Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (Phụ lục I-8 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT);
9	BM 09	- Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		<u>Trường hợp chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty TNHH một thành viên:</u>

6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên (Phụ lục I-2 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
<u>Trường hợp chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty TNHH hai thành viên trở lên:</u>		
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục I-3 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục I-6 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
8	BM 08	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp thành viên công ty TNHH hai thành viên là tổ chức, Phụ lục I-10, Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
9	-	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ Kế hoạch

và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

- Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phụ lục V-25

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT
ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....
Mã hồ sơ:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY BIÊN NHẬN

**Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh**

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:.....

Email: Website:.....

Ngày.../.../... đã nhận của Ông/Bà:

Chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ pháp lý của cá nhân khác) số:.....

Điện thoại: Email:

01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh
mã số:..... về việc..... của (Tên doanh nghiệp)..... Mã số doanh
nghiệp (nếu có):.....

Hồ sơ bao gồm:

1.

2.

3.

*Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh trả kết quả là giấy chứng nhận/giấy xác
nhận/thông báo cho doanh nghiệp thì ghi:*

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng... năm...

*Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh chỉ cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh
nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì ghi:*

Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, thông tin
đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp sẽ được cập nhật trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về
đăng ký doanh nghiệp/đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

NGƯỜI NỘP
(Ký và ghi họ tên)

NGƯỜI NHẬN
(Ký và ghi họ tên)

Phụ lục V-26

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT
ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY BIÊN NHẬN

**Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử**

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Ngày.../.../... đã nhận của Ông/Bà:

Chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ pháp lý của cá nhân khác) số:

Điện thoại: Email:

01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử mã số:..... về việc..... của (Tên doanh nghiệp)..... Mã số doanh nghiệp (nếu có):.....

Hồ sơ bao gồm:

1.....

2.....

3.....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng... năm...¹⁰

Kết quả xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp sẽ được gửi vào địa chỉ thư điện tử và tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của Ông/Bà.

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

¹ Trường hợp hồ sơ được tiếp nhận trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sau giờ hành chính hoặc vào ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định thì thời hạn trả kết quả là trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày làm việc kế tiếp của ngày hồ sơ được tiếp nhận.

QUY TRÌNH 35**Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh,
công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4167/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
<i>1. Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh:</i>			
	- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản chính
	- Điều lệ công ty.	01	Bản chính
	- Danh sách thành viên.	01	Bản chính
	- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên công ty là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.	01	Bản sao
	Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;		
	- Cam kết bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả khoản nợ chưa thanh toán và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn;	01	Bản chính
*	- Thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty được chuyển đổi tiếp nhận và tiếp tục thực hiện các hợp đồng đó;	01	Bản chính
	- Cam kết bằng văn bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân;	01	Bản chính
	- Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp tư nhân;	01	Bản chính
	- Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho vốn của doanh nghiệp tư nhân;	01	Bản chính
	- Văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy	01	Bản sao

	<p>định của pháp luật;</p> <p>- Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p>	01	Bản sao
<i>2. Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty cổ phần:</i>			
	<p>- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>- Điều lệ công ty;</p> <p>- Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p>- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>- Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>* - Cam kết bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả khoản nợ chưa thanh toán và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn;</p> <p>- Thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty được chuyển đổi tiếp nhận và tiếp tục thực hiện các hợp đồng đó;</p> <p>- Cam kết bằng văn bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân;</p> <p>- Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp tư nhân;</p> <p>- Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho vốn của doanh nghiệp tư nhân;</p>	<p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p>	<p>Bản chính</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản sao</p> <p>Bản sao</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản chính</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật; - Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư. 	01 01	Bản sao Bản sao
<p>3. Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH một thành viên:</p>			
*	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Điều lệ công ty. - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự; - Cam kết bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả khoản nợ chưa thanh toán và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn; - Thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty được chuyển đổi tiếp nhận và tiếp tục thực hiện các hợp đồng đó; - Cam kết bằng văn bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân; - Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp tư nhân; - Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho vốn 	01 01 01 01 01 01 01 01	Bản chính Bản chính Bản sao Bản sao Bản chính Bản chính Bản chính Bản chính

	<p>của doanh nghiệp tư nhân;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật; - Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư. 	<p>01</p> <p>01</p>	<p>Bản sao</p> <p>Bản sao</p>
<p><i>4. Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH hai thành viên trở lên:</i></p>			
<p>*</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Điều lệ công ty. - Danh sách thành viên. - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền; Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự; - Cam kết bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả khoản nợ chưa thanh toán và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn; - Thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty được chuyển đổi tiếp nhận và tiếp tục thực hiện các hợp đồng đó; - Cam kết bằng văn bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân; - Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp tư nhân; - Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho vốn 	<p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p>	<p>Bản chính</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản sao</p> <p>Bản sao</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản chính</p> <p>Bản chính</p>

	<p>của doanh nghiệp tư nhân;</p> <p>- Văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;</p> <p>- Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p>	01	Bản sao
		01	Bản sao
<i>Trường hợp ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, phải nộp thêm các giấy tờ sau:</i>			
1	Một trong các giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền.	01	Bản sao
2	- Hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp	01	Bản sao
	- Giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản chính
	- Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực).	01	Bản chính
<i>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích</i>			
1	Phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.	01	Bản sao
<p>* Giấy tờ pháp lý của cá nhân:</p> <p>- Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực;</p> <p>- Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực).</p>			

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
<p>- Bộ phận Một cửa - Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 90G Trần Quốc Toản, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>- Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ https://dangkykinhdoanh.gov.vn.</p>	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần.</p> <p>- Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần.</p> <p>- Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.
B2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	<p>- Theo mục I</p> <p>- BM 01</p> <p>- BM 02</p> <p>- BM 03</p> <p>- Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn</p>	<p>- Trường hợp hồ sơ có đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy biên nhận theo BM 01 trao cho người nộp hồ sơ, chuyển chuyên viên xử lý thực hiện tiếp B3.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Phiếu yêu cầu BM 02 hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: lập Phiếu từ chối theo BM 03 trao cho người nộp hồ sơ.</p>

B3	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh	0,5 ngày làm việc	- Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn	Lãnh đạo Phòng phân công chuyên viên xử lý hồ sơ
B4	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Đăng ký kinh doanh	1 ngày làm việc	- Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn - Phiếu đề xuất - Dự thảo kết quả	Chuyên viên nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tải các văn bản đã được số hóa trong hồ sơ vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; đề xuất kết quả giải quyết hồ sơ, trình Lãnh đạo Phòng xem xét.
B5	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh	1 ngày làm việc	- Theo mục I - BM 01 - Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn - Phiếu đề xuất - BM 04 - BM 05	- Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký Phiếu đề xuất và duyệt kết quả trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; chuyên viên xử lý in kết quả giải quyết hồ sơ. - Lãnh đạo Phòng ký Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.
B6	Phát hành kết quả	Văn thư Phòng Đăng ký kinh doanh	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Photo, đóng dấu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. - Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ cho Bộ phận Một cửa.
B7	Trả kết	Bộ phận	Theo	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức,

	quả	Một cửa	Giấy hẹn		cá nhân. - Chuyển lại toàn bộ hồ sơ cho Phòng Đăng ký kinh doanh.
B8	Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Phòng Đăng ký kinh doanh	Thường xuyên	Hồ sơ lưu theo mục V	Chuyển kho lưu trữ hồ sơ.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (Phụ lục V-25 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT), hoặc Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử (Phụ lục V-26 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên (Phụ lục IV-2)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục IV-3)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Phụ lục IV-4)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty hợp danh (Phụ lục IV-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
5	BM 05	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		<u>Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh:</u>
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty hợp danh (Phụ lục I-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách thành viên công ty hợp danh (Phụ lục I-9 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).

		<u>Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty cổ phần:</u>
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Phụ lục I-4 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần (Phụ lục I-7 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
8	BM 08	Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (Phụ lục I-8 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
9	BM 09	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		<u>Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH một thành viên:</u>
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên (Phụ lục I-2 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		<u>Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH hai thành viên trở lên:</u>
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục I-3 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT)
7	BM 07	Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục I-6 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
8	BM 08	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp thành viên công ty TNHH hai thành viên là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (Phụ lục V-25 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT), hoặc Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử (Phụ lục V-26 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên (Phụ lục IV-2)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục IV-3)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Phụ lục IV-4)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty hợp danh (Phụ lục IV-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
5	BM 05	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục V-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		<u>Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh:</u>
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty hợp danh (Phụ lục I-5 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách thành viên công ty hợp danh (Phụ lục I-9 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		<u>Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty cổ phần:</u>
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Phụ lục I-4 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần (Phụ lục I-7 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
8	BM 08	Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (Phụ lục I-8 ban

		hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
9	BM 09	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		<u>Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH một thành viên:</u>
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên (Phụ lục I-2 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
		<u>Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH hai thành viên trở lên:</u>
6	BM 06	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục I-3 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT)
7	BM 07	Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục I-6 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
8	BM 08	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (trong trường hợp thành viên công ty TNHH hai thành viên là tổ chức, Phụ lục I-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
9	-	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

- Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phụ lục V-25

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT
ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....
Mã hồ sơ:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY BIÊN NHẬN

**Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh**

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:.....

Email: Website:.....

Ngày.../.../... đã nhận của Ông/Bà:

Chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ pháp lý của cá nhân khác) số:.....

Điện thoại: Email:

01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh
mã số:..... về việc..... của (Tên doanh nghiệp)..... Mã số doanh
nghiệp (nếu có):.....

Hồ sơ bao gồm:

1.....

2.....

3.....

*Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh trả kết quả là giấy chứng nhận/giấy xác
nhận/thông báo cho doanh nghiệp thì ghi:*

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng... năm...

*Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh chỉ cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh
nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì ghi:*

Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, thông tin
đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp sẽ được cập nhật trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về
đăng ký doanh nghiệp/đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

NGƯỜI NỘP
(Ký và ghi họ tên)

NGƯỜI NHẬN
(Ký và ghi họ tên)

Phụ lục V-26

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT
ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY BIÊN NHẬN

**Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử**

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Ngày.../.../... đã nhận của Ông/Bà:

Chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ pháp lý của cá nhân khác) số:

Điện thoại: Email:

01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh qua mạng thông tin điện tử mã số:..... về việc..... của (Tên doanh nghiệp)..... Mã số doanh nghiệp (nếu có):.....

Hồ sơ bao gồm:

1.....

2.....

3.....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng... năm...¹¹¹

Kết quả xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp sẽ được gửi vào địa chỉ thư điện tử và tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của Ông/Bà.

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

(Xem tiếp Công báo 17 + 18)

¹ Trường hợp hồ sơ được tiếp nhận trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sau giờ hành chính hoặc vào ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định thì thời hạn trả kết quả là trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày làm việc kế tiếp của ngày hồ sơ được tiếp nhận.